PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1275 /QĐ-UBND ngày 25 /3/2025 của UBND thành phố Chí Linh)

Đơn vị: Nghìn đồng

	ĐƠN VỊ	Mã ĐVQHNS	C-L-K	Nguồn	Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung		Dự toán sau điều chỉnh	Thu hồi về ngân sách thành phố
						Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		
	Tổng cộng				**401,790,454**	**1,437,858**	**2,775,807**	**400,452,505**	**1,337,949**
I	**Khối Mầm non**				**118,856,139**	**312,438**	**416,584**	**118,751,993**	
1	Trường MN Lê Lợi	1017135	622-070-071	13	6,880,689			6,880,689	
2	Trường MN Chí Minh	1017032	622-070-071	13	6,671,633			6,671,633	
3	Trường MN Bến Tắm	1017027	622-070-071	13	4,825,327			4,825,327	
4	Trường MN Sao Đỏ	1017042	622-070-071	13	12,134,518		208,292	11,926,226	
5	Trường MN Hưng Đạo	1017134	622-070-071	13	4,605,708			4,605,708	
6	Trường MN Cộng Hòa	1118340	622-070-071	13	10,369,206			10,369,206	
7	Trường MN Cổ Thành	1017037	622-070-071	13	4,182,375	208,292		4,390,667	
8	Trường MN Nhân Huệ	1017035	622-070-071	13	2,768,438	104,146		2,872,584	
9	Trường MN Văn Đức	1017033	622-070-071	13	6,595,491		104,146	6,491,345	
10	Trường MN Đồng Lạc	1017038	622-070-071	13	5,499,507			5,499,507	
11	Trường MN Phả Lại	1017026	622-070-071	13	12,479,984		104,146	12,375,838	
12	Trường MN Hoàng Tân	1017036	622-070-071	13	4,726,147			4,726,147	
13	Trường MN Hoàng Tiến	1017029	622-070-071	13	4,860,165			4,860,165	
14	Trường MN Bắc An	1017030	622-070-071	13	6,000,925			6,000,925	
15	Trường MN Văn An	1017039	622-070-071	13	6,874,682			6,874,682	
16	Trường MN An Lạc	1017040	622-070-071	13	4,849,322			4,849,322	
17	Trường MN Hoa Thám	1017031	622-070-071	13	4,252,447			4,252,447	
18	Trường MN Tân Dân	1017024	622-070-071	13	5,960,503			5,960,503	
19	Trường MN Thái Học	1017028	622-070-071	13	4,319,072			4,319,072	
II	**Khối Tiểu học**				**139,513,266**	**116,810**	**1,249,752**	**138,380,324**	
1	Trường TH Hưng Đạo	1062812	622-070-072	13	5,199,557		104,146	5,095,411	
2	Trường TH Đồng Lạc	1063203	622-070-072	13	6,317,008			6,317,008	
3	Trường TH Sao Đỏ	1062806	622-070-072	13	8,568,992		104,146	8,464,846	
4	Trường TH Bến Tắm	1063104	622-070-072	13	5,584,923			5,584,923	
5	Trường TH Hoàng Tiến	1062817	622-070-072	13	5,412,047			5,412,047	
6	Trường TH An Lạc	1063204	622-070-072	13	5,299,333		104,146	5,195,187	
7	Trường TH Cổ Thành	1062809	622-070-072	13	5,914,370		104,146	5,810,224	
8	Trường TH Bắc An	1012651	622-070-072	13	7,799,998	116,810		7,916,808	
9	Trường TH Cộng Hòa	1063202	622-070-072	13	13,450,580		104,146	13,346,434	
10	Trường TH Tân Dân	1074850	622-070-072	13	7,157,969		104,146	7,053,823	
11	Trường TH Phả Lại	1062582	622-070-072	13	16,842,826		104,146	16,738,680	
12	Trường TH Văn An	1012752	622-070-072	13	8,315,532		104,146	8,211,386	
13	Trường TH Lê Lợi	1062807	622-070-072	13	7,217,881		104,146	7,113,735	
14	Trường TH Chí Minh	1012645	622-070-072	13	11,271,547		104,146	11,167,401	
15	Trường TH Văn Đức	1062816	622-070-072	13	9,278,658		104,146	9,174,512	
16	Trường TH Chu Văn An	1125476	622-070-072	13	15,882,045		104,146	15,777,899	
III	**Khối THCS**				**112,713,945**	**806,888**	**806,888**	**112,713,945**	
1	Trường THCS Lê Lợi	1048214	622-070-073	13	5,692,542		302,583	5,389,959	
2	Trường THCS Chí Minh	1048120	622-070-073	13	9,486,488	100,861		9,587,349	
3	Trường THCS Cổ Thành	1048119	622-070-073	13	4,849,116			4,849,116	
4	Trường THCS Văn An	1062009	622-070-073	13	7,361,872		201,722	7,160,150	
5	Trường THCS Văn Đức	1061907	622-070-073	13	6,125,816	100,861		6,226,677	
6	Trường THCS An Lạc	1047996	622-070-073	13	4,709,916	100,861		4,810,777	
7	Trường THCS Chu Văn An	1048116	622-070-073	13	10,074,616	100,861		10,175,477	
8	Trường THCS Đồng Lạc	1074758	622-070-073	13	4,791,849	100,861		4,892,710	
9	Trường THCS Cộng Hòa	1010357	622-070-073	13	10,130,508	100,861		10,231,369	
10	Trường THCS Sao Đỏ	1061905	622-070-073	13	11,990,780	100,861		12,091,641	
11	Trường THCS Tân Dân	1047519	622-070-073	13	5,655,582			5,655,582	
12	Trường THCS Hoàng Tiến	1062012	622-070-073	13	5,726,487			5,726,487	
13	Trường THCS Hưng Đạo	1074848	622-070-073	13	3,616,471		100,861	3,515,610	
14	Trường THCS Nguyễn Trãi	1105570	622-070-073	13	10,250,001	100,861		10,350,862	
15	Trường THCS Phả Lại	1048216	622-070-073	13	12,251,901		201,722	12,050,179	
IV	**Khối TH&THCS**				**30,707,104**	**201,722**	**302,583**	**30,606,243**	
1	Trường TH & THCS Hoa Thám	1062013			7,204,641	-	-	7,204,641	
			622-070-072	*13*	3,859,329			*3,859,329*	
			622-070-073	*13*	*3,345,312*			*3,345,312*	
2	Trường TH&THCS Hoàng Tân	1047998			8,835,573	201,722	-	9,037,295	
			622-070-072	*13*	*4,393,718*			*4,393,718*	
			622-070-073	*13*	*4,441,855*	*201,722*		*4,643,577*	

STT	ĐƠN VỊ	Mã ĐVQHNS	C-L-K	Nguồn	Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung		Dự toán sau điều chỉnh	Thu hồi về ngân sách thành phố
						Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		
3	Trường TH&THCS Thái Học	1062015			8,183,470	-	100,861	8,082,609	
			622-070-072	*13*	*3,600,812*			*3,600,812*	
			622-070-073	*13*	*4,582,658*		*100,861*	*4,481,797*	
4	Trường TH&THCS Nhân Huệ	1047517			6,483,420	-	201,722	6,281,698	
			622-070-072	*13*	*3,088,900*			*3,088,900*	
			622-070-073	*13*	*3,394,520*		*201,722*	*3,192,798*	